

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành/chuyên ngành: Quản lý nhà nước

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2. Mã học phần: HTH0031

1.3. Số tín chỉ: 2

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

+ Thảo luận: 16 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc

1.5. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết: Sinh viên phải học xong học phần Triết học Mác - Lênin

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Học phần song hành: Không

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:

- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Ngọc Diệp

- Các giảng viên cùng giảng dạy: ThS. Phạm Thị Yến

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (CourseObjectives– COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT(PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO1	3/6
CO2	Làm rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; biết vận dụng các quan điểm của Hồ Chí Minh vào thực tiễn và hoàn thiện bản thân.	PLO1	3/6
CO3	Trang bị khả năng giao tiếp, thuyết trình, khả năng tư duy độc lập, làm việc nhóm, phân tích, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	PLO5	3/5
CO4	Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện; khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo, làm việc nghiêm túc; có đạo đức nghề nghiệp để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	PLO11, 12	3/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh ngành Quản lý nhà nước

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Tư tưởng Hồ Chí Minh			CLOs Tư tưởng Hồ Chí Minh				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO1 [1.1.1.1]	Trình bày được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	I, T	3/6	Chương 1
			CLO2 [1.1.1.2]	Giải thích được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Khái quát giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và nhân loại.	I, T	3/6	Chương 2
			CLO3 [1.1.1.3]	Khái quát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay.	I, T	3/6	Chương 3
			CLO4 [1.1.1.4]	Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước của dân do dân vì dân; tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác	I, T	3/6	Chương 4

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Tư tưởng Hồ Chí Minh			CLOs Tư tưởng Hồ Chí Minh				
				xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước			
			CLO5 [1.1.1.5]	Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.	I, T	3/6	Chương 5
			CLO6 [1.1.1.6]	Khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người; làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay.	I, T	3/6	Chương 6
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO7 (2.1.1.1)	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	I, T, U	3/5	Chương 2,3,4,5,6
PLO11 (3.1)	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3/5	CLO8 [3.1.1]	Nhận thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện; khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo, làm việc nghiêm túc; có đạo đức nghề nghiệp để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	I, T, U	3/5	Chương 1,2,3,5,6
PLO12 (3.2)	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp;	3/5	CLO9 [3.2.1]	Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập	I, T, U	3/5	Chương 2,3,4,5,6

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Tư tưởng Hồ Chí Minh			CLOs Tư tưởng Hồ Chí Minh				
	có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.			dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội			

- **Mức độ giảng dạy:** I (Introduce): Giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): Sử dụng.

- **Ký hiệu CDR:**

1. Nhóm CDR về kiến thức: 1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;

2. Nhóm CDR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;

3. Nhóm CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1						PLO5	PLO11, 12	
CLOs	Kiến thức chung						Kỹ năng chung	Tự chủ, trách nhiệm	
Bài giảng	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[1.1.1.3]	[1.1.1.4]	[1.1.1.5]	[1.1.1.6]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]
Chương 1	x							x	
Chương 2		x					x	x	x
Chương 3			x				x	x	x
Chương 4				x			x	x	x
Chương 5					x		x	x	x

Chương 6						X	X	X	X
----------	--	--	--	--	--	---	---	---	---

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định	CLO8,9	10	Điểm danh	Thường xuyên
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	CLO7	10	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO 2,3,4,5,6	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Cuối chương 3
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Bài kiểm tra trắc nghiệm	Cuối chương 6
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Trắc nghiệm, Tự luận	CLO 2,3,4,5,6	50	Trắc nghiệm, Tự luận	Theo lịch thi của

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/T H)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu <i>1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</i> 1.3.1.1. Thống nhất tính đảng và tính khoa học 1.3.1.2. Thống nhất lý luận và thực tiễn 1.3.1.3. Quan điểm lịch sử - cụ thể 1.3.1.4. Quan điểm toàn diện và hệ thống 1.3.1.5. Quan điểm kế thừa và phát triển <i>1.3.2. Một số phương pháp cụ thể</i>	2(2/0)	CLO 1,8	Trình bày, phát vấn, hỏi – đáp Thuyết trình, trao đổi.	Đọc bài, chuẩn bị bài ở nhà. Nghe giảng, ghi chép	A1.1

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh <i>1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</i> <i>1.4.2. Góp phần và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.</i> <i>1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</i>					
	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.1.1.Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2.1.1.2.Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	6(4/2)	CLO 2,7,8,9	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận, giải đáp	Đọc bài, chuẩn bị nội dung bài chương 2 Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2.1.2. Cở sở lý luận 2.1.2.1. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam 2.1.2.2. Tinh hoa văn hóa nhân loại 2.1.2.3. Chủ nghĩa Mác – Lênin 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.1.3.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh 2.1.3.2. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1 Thời kỳ trước ngày 5 - 6 - 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới 2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	<i>dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</i> 2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 2.2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 năm 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 2.3.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta 2.3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	<i>nhân loại</i> 2.3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn sự tiến bộ xã hội 2.3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.					
	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.1.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc 3.1.1.2. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân	8(4/4)	CLO 3,7,8,9	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Đọc và chuẩn bị bài ở nhà chương 3 Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp Nghe giảng, ghi chép.	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	3.1.1.3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để 3.1.1.4. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ 3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc 3.1.2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3.1.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo 3.1.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công - nông làm nền tảng 3.1.2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 3.1.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	bạo lực cách mạng 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.1.2. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan 3.2.1.3. Một số đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.1. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2.2. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3.1. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	của thời kỳ quá độ 3.2.3.2. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. <i>3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện vững chắc để bảo đảm nền độc lập dân tộc</i> <i>3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</i> 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay. <i>3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</i> <i>3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã</i>					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	<i>hội chủ nghĩa</i> 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ <i>Bài kiểm tra số 1 .</i>					
	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước của dân do dân vì dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.1.2.1. Đảng là đạo đức, là văn minh 4.1.2.2. Những vấn đề nguyên tắc trọng	6(4/2)	CLO 4,7,8,9	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận.	Đọc và chuẩn bị bài ở nhà chương 4 Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp Nghe giảng, ghi chép.	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	hoạt động của Đảng 4.1.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân nhân. 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.1.1. Bản chất giai cấp của nhà nước 4.2.1.2. Nhà nước của nhân dân 4.2.1.3. Nhà nước do nhân dân 4.2.1.4 Nhà nước vì nhân dân 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.2.1. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp 4.2.2.2. Nhà nước thượng tôn pháp luật 4.2.2.3. Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.2.3.1. Kiểm soát quyền lực nhà nước 4.2.3.2. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước <i>4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</i> <i>4.3.2. Xây dựng Nhà nước</i>					
	Chương 5 : Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc <i>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 5.1.1.1. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng 5.1.1.2. Đại đoàn kết toàn dân tộc dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam <i>5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 5.1.2.1. Chủ thể của khối đại đoàn kết	8(4/4)	CLO 5,7,8,9	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận.	Đọc và chuẩn bị bài ở nhà chương 5 Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp Nghe giảng, ghi chép.	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	toàn dân tộc 5.1.2.2. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.3. Điều kiện thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân tộc Thi giữa kỳ 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.4.1. Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.4.2. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 5.2.1.1. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng 5.2.1.2. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.2.1. Các lực lượng cần đoàn kết 5.2.2.2. Hình thức tổ chức 5.2. 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.2.3.1. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình 5.2.3.2. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	5.5. 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế					
	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.2.1. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng 6.1.2.2. Văn hóa là một mặt trận 6.1.2.3. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân 6.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới	8(4/4)	CLO 6,7,8,9	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận.	Đọc và chuẩn bị bài ở nhà chương 5 Thảo luận nhóm và trình bày trước lớp Nghe giảng, ghi chép.	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.1.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 6.2.1.2. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội 6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.2.1. Trung với nước, hiếu với dân 6.2.2.2. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 6.2.2.3. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa 6.2.2.4. Tinh thần quốc tế trong sáng 6.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.2.3.1. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức 6.2.3.2. Xây đi đôi với chống 6.2.3.3. Tu dưỡng đạo đức suốt đời 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người việt nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Về xây dựng đạo đức cách mạng Bài kiểm tra số 2					

Ghi chú:

(2) Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.

(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;

(4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.

(5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;

(6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....

(7) Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x)

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị</i>)	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật
	Sách, giáo trình tham khảo			
2		2016	Tư tưởng Hồ Chí Minh (<i>dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>)	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật

Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà A, B	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1:Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo	25%

	nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	người nghe khi trình bày.	có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	
--	---------------------------------	---------------------------	---	---	---	--

Rubric 3:Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

- **Đánh giá kiểm tra viết** (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.
- **Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm** (*Multiple choice exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.